



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thông tin Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0100107155

ngày 15 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 15 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh bốn lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107155 ngày 9 tháng 10 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Chung
Bà Nguyễn Thị Nga
Ông Lê Minh Thành
Ông Trần Ngọc Tiến
Bà Lê Thanh Hà
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Kim Hà
Ông Trần Ngọc Tiến
Ông Trịnh Minh Tú
Bà Vũ Hoài Châu

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/1/2020)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Xuân Sơn
Bà Đào Thị Hiền
Bà Nguyễn Thị Hiền

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 273 Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 3 năm 2020 và báo cáo soát xét ngày 13 tháng 8 năm 2019.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00131-20-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2020



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		608.682.896.024	535.564.564.663
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	130.464.689.053	21.387.519.790
Tiền	111		22.369.689.053	9.587.519.790
Các khoản tương đương tiền	112		108.095.000.000	11.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		425.751.960.611	479.404.372.201
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	425.751.960.611	479.404.372.201
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.602.997.425	34.385.488.845
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	6.872.328.016	15.087.880.001
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	2.853.086.307	928.407.494
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	41.877.583.102	18.369.201.350
Hàng tồn kho	140		830.796.805	380.389.869
Hàng tồn kho	141		830.796.805	380.389.869
Tài sản ngắn hạn khác	150		32.452.130	6.793.958
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18(a)	32.452.130	6.793.958
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	200		349.454.635.163	355.334.656.744
Các khoản phải thu dài hạn	210		717.202.250	717.202.250
Phải thu dài hạn khác	216		717.202.250	717.202.250
Tài sản cố định	220		6.025.314.971	6.277.000.556
Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.025.314.971	6.277.000.556
Nguyên giá	222		24.999.707.915	24.999.707.915
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.974.392.944)	(18.722.707.359)
Bất động sản đầu tư	230	14	47.755.994.163	48.918.389.037
Nguyên giá	231		75.236.709.739	75.236.709.739
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.480.715.576)	(26.318.320.702)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	287.646.705.597	287.646.705.597
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		285.774.104.867	285.774.104.867
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	1.872.600.730	1.872.600.730
Tài sản dài hạn khác	260		7.309.418.182	11.775.359.304
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	7.309.418.182	11.775.359.304
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		958.137.531.187	890.899.221.407

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		128.925.516.775	48.761.382.035
Nợ ngắn hạn	310		120.940.457.826	40.190.035.122
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	269.797.065	1.217.137.703
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	2.057.060.933	1.776.343.689
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(b)	6.787.413.952	1.849.829.754
Phải trả người lao động	314		859.744.317	882.698.649
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.099.667.031	3.413.664.071
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	3.800.250.663	4.261.736.765
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	102.996.117.288	25.097.445.399
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.070.406.577	1.691.179.092
Nợ dài hạn	330		7.985.058.949	8.571.346.913
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	7.985.058.949	8.571.346.913
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		829.212.014.412	842.137.839.372
Vốn chủ sở hữu	410	22	829.212.014.412	842.137.839.372
Vốn cổ phần	411	23	748.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		748.000.000.000	748.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.231.896.222	1.231.896.222
Cổ phiếu quỹ	415		(34.320.000)	(34.320.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	12.967.669.701	9.389.482.871
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.046.768.489	83.550.780.279
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.909.543.997	1.909.543.997
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		65.137.224.492	81.641.236.282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		958.137.531.187	890.899.221.407

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Dương Thị Như
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	27	31.699.333.133	68.131.347.083
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	1.898.402.378	-
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	29.800.930.755	68.131.347.083
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		17.880.265.821	53.084.421.728
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		11.920.664.934	15.046.925.355
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	70.012.920.798	69.569.995.821
Chi phí tài chính	22		1.451.533.923	40.824.046
Chi phí bán hàng	25	31	3.100.200.559	4.075.587.048
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.776.006.416	9.194.371.825
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		68.605.844.834	71.306.138.257
Thu nhập khác	31		1.377.965	1.112.254
Chi phí khác	32		1.110.824	39.538
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		267.141	1.072.716
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		68.606.111.975	71.307.210.973
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	3.468.887.483	3.369.014.651
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	-	(83.637)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		65.137.224.492	67.938.279.959
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	871	908

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Người lập:


Dương Thị Như
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:


Tạ Ngọc Lãm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		68.606.111.975	71.307.210.973
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.414.080.459	2.068.804.679
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.439.598.793	(308.582.041)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(68.528.839.481)	(69.250.821.509)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.930.951.746	3.816.612.102
Biến động các khoản phải thu	09		6.731.521.785	(17.444.387.017)
Biến động hàng tồn kho	10		(450.406.936)	(976.034.738)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.093.114.602	13.301.858.444
Biến động chi phí trả trước	12		4.465.941.122	4.176.783.179
			14.771.122.319	2.874.831.970
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.592.776.706)	(3.663.230.315)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(858.597.241)	(881.697.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.319.748.372	(1.670.095.345)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền gửi có kỳ hạn	23		(256.432.539.255)	(335.879.905.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24		308.944.950.845	316.967.610.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		44.534.390.944	56.603.633.154
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		97.046.802.534	37.691.338.154

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(7.920.000)
Tiền trả cổ tức	36		(9.542.850)	(12.372.376.761)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.542.850)	(12.380.296.761)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		109.357.008.056	23.640.946.048
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		21.387.519.790	54.124.963.325
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(279.838.793)	502.041
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	130.464.689.053	77.766.411.414

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Dương Thị Như
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:

Tạ Ngọc Lãm
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa;
- Kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước;
- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ;
- Các loại hình dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; và
- May đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Sự bùng phát của Virus Corona (Covid-19) từ đầu năm 2020 có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của Việt Nam cũng như nền kinh tế toàn cầu, trong đó Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch bệnh như giãn cách xã hội, đóng cửa biên giới, hạn chế các hoạt động đông người... Các biện pháp này ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận kinh doanh lữ hành, vận hành tour du lịch, bán vé máy bay – là các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, doanh thu thuần của Công ty giảm 56% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, biên lợi nhuận của hoạt động lữ hành, vận hành tour du lịch, bán vé máy bay thấp nên Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá sẽ không có nhiều ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty trong năm 2020. Do sự không chắc chắn về khả năng ảnh hưởng kéo dài của dịch bệnh, Ban Tổng Giám đốc chưa thể đánh giá được một cách chính xác ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm tiếp theo.

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 4 đơn vị phụ thuộc (1/1/2020: 4 đơn vị phụ thuộc) như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
▪ Trung tâm Lữ hành	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
▪ Chi nhánh Công ty Thành phố Hồ Chí Minh	Số 348 Nguyễn Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch
▪ Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch	Số 98 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác
▪ Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Đại lý vé máy bay

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết) như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên doanh		
Công ty liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	D8, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty TNHH Global Toserco	Số 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 91 nhân viên (1/1/2020: 93 nhân viên).

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (cho các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (cho các khoản mục phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 năm

(g) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 4 – 35 năm

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phản ánh khoản lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được xác định trong quá trình cổ phần hóa Công ty, bao gồm (1) tiềm năng phát triển của Công ty được tính toán trên cơ sở đánh giá khả năng sinh lời của Công ty trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ; và (2) giá trị thương hiệu của Công ty được xác định bằng các khoản chi thực tế để sáng chế, xây dựng và bảo vệ nhãn mác, tên thương mại, chi phí quảng cáo, tuyên truyền, học tập trong và ngoài nước trong quá trình hoạt động của Công ty 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần (năm 2016).

(ii) Chi phí địa chính

Chi phí địa chính phản ánh giá trị còn lại của khoản chi phí trả cho Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội liên quan đến dịch vụ tư vấn địa chính tại tòa nhà số 2 Núi Trúc. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(iii) Chi phí khác

Chi phí trả trước khác, chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và các chi phí khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên doanh và liên kết của Công ty.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản mục bất thường

Ngoại trừ vấn đề liên quan đến đại dịch Covid-19 được trình bày ở Thuyết minh 1(d), Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(a) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cho thuê văn phòng: kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các tổ chức và cá nhân;
- Vận hành tour du lịch: kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa và các dịch vụ liên quan; và
- Đại lý vé máy bay: kinh doanh vé máy bay.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	21.548.359.108	2.992.199.519	5.260.372.128	29.800.930.755
Kết quả kinh doanh của bộ phận	10.737.141.927	274.567.210	908.955.797	11.920.664.934
Thu nhập khác	69.545.342.320	321.427.016	147.529.427	70.014.298.763
Chi phí khác	(11.589.546.578)	(800.489.241)	(938.815.903)	(13.328.851.722)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.468.887.483)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp				65.137.224.492

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	24.121.410.233	22.164.257.465	21.845.679.385	68.131.347.083
Kết quả kinh doanh của bộ phận	11.767.280.136	1.352.805.341	1.926.839.878	15.046.925.355
Thu nhập khác	69.290.686.488	208.748.087	71.673.500	69.571.108.075
Chi phí khác	(10.424.520.518)	(1.223.381.772)	(1.662.920.167)	(13.310.822.457)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.369.014.651)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại				83.637
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp				67.938.279.959

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	931.850.479.042	14.975.152.007	11.311.900.138	958.137.531.187
Nợ phải trả của bộ phận	124.052.434.231	2.298.653.366	2.574.429.178	128.925.516.775

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	251.685.585	-	-	251.685.585
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.162.394.874	-	-	1.162.394.874

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	861.475.493.176	15.810.039.058	13.613.689.173	890.899.221.407
Nợ phải trả của bộ phận	20.881.831.542	15.009.589.000	12.869.961.493	48.761.382.035

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	824.232.922	-	-	824.232.922
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.244.571.757	-	-	1.244.571.757

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	33.394.760	72.054.506
Tiền gửi ngân hàng	22.336.294.293	6.467.465.284
Tiền đang chuyển	-	3.048.000.000
Các khoản tương đương tiền	108.095.000.000	11.800.000.000
	130.464.689.053	21.387.519.790

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4% đến 4,75% một năm (1/1/2020: 0,8% đến 5% một năm).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi bằng VND hưởng lãi suất từ 4,9% đến 8,4% một năm (1/1/2020: 5,5% đến 8,4% một năm) và các khoản tiền gửi bằng USD hưởng lãi suất 0%/năm (1/1/2020: 0%/năm).

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

30/6/2020 và 1/1/2020					
Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
					Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:					
▪ Công ty liên doanh, liên kết					
• Công ty TNHH Global Tosserco		35,00%	35,00%	209.672.714.716	- (*)
• Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel		29,58%	29,58%	61.365.277.633	- (*)
• Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông		40,00%	40,00%	14.736.112.518	- (*)
				285.774.104.867	
Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	13.000	5,20%	5,20%	1.872.600.730	- (*)
				287.646.705.597	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, giá gốc các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59"), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	970.551.960	2.208.615.500
PATH	205.119.600	896.402.400
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	-	4.643.802.867
Các khách hàng khác	5.696.656.456	7.339.059.234
	6.872.328.016	15.087.880.001

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Phân phối Hàng tiêu dùng Minh Trí	550.011.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Hòn Trống Mái	438.025.000	-
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Ngọc Trúc	420.216.000	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	75.166.000	115.166.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Du lịch Hồng Ngọc Hà	-	178.912.127
Khách sạn Đồng Khởi Grand Hotel	-	126.510.000
Công ty Cổ phần Cung ứng Nghiệp vụ Chất lượng cao Quốc tế	-	114.720.000
Khách sạn Le Meridien Sài Gòn	-	112.900.000
Các nhà cung cấp khác	1.369.668.307	280.199.367
	2.853.086.307	928.407.494

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu cổ tức	26.530.924.665	95.789.474
Lãi tiền gửi	8.927.252.777	11.367.939.431
Ký cược, ký quỹ	5.538.645.000	5.538.125.000
Tạm ứng cho nhân viên	439.177.000	492.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	441.583.660	874.847.445
	41.877.583.102	18.369.201.350

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	5.494.086.156	17.096.963.577	2.371.258.182	37.400.000	24.999.707.915
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.662.820.926	16.610.627.420	411.859.013	37.400.000	18.722.707.359
Khấu hao trong kỳ	90.646.578	42.476.097	118.562.910	-	251.685.585
Số dư cuối kỳ	1.753.467.504	16.653.103.517	530.421.923	37.400.000	18.974.392.944
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	3.831.265.230	486.336.157	1.959.399.169	-	6.277.000.556
Số dư cuối kỳ	3.740.618.652	443.860.060	1.840.836.259	-	6.025.314.971

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 16.044.727.455. VND (1/1/2020: 15.195.437.956 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	75.236.709.739
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	26.318.320.702
Khấu hao trong kỳ	1.162.394.874
Số dư cuối kỳ	27.480.715.576
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	48.918.389.037
Số dư cuối kỳ	47.755.994.163

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 1.641.826.379 VND (1/1/2020: 1.641.826.379 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí địa chính VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	10.096.100.168	855.766.458	823.492.678	11.775.359.304
Tăng trong kỳ	-	-	4.374.511.165	4.374.511.165
Phân bổ trong kỳ	(4.177.696.620)	(18.079.440)	(4.644.676.227)	(8.840.452.287)
Số dư cuối kỳ	5.918.403.548	837.687.018	553.327.616	7.309.418.182

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn		
Bất động sản Đại Lợi	53.530.909	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đất Việt –		
Chi nhánh Hà Nội	52.657.000	52.657.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hy Vọng	52.434.215	2.258.000
Công ty TNHH Hoàn Mỹ	47.178.289	57.382.600
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Ngôi Sao Đỏ	-	480.703.985
Công ty TNHH Xây dựng Dương Gia	-	156.729.950
Các nhà cung cấp khác	63.996.652	467.406.168
	269.797.065	1.217.137.703

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Honda Việt Nam	1.139.848.950	-
International Study Programs, s.r.o	303.601.210	1.584.473.239
Khác	613.610.773	191.870.450
	2.057.060.933	1.776.343.689

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.793.958	-	(6.793.958)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	32.452.130	-	32.452.130
	6.793.958	32.452.130	(6.793.958)	32.452.130

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	188.785.589	1.725.768.765	(1.035.507.649)	879.046.705
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.592.776.705	3.468.887.483	(1.592.776.706)	3.468.887.482
Thuế thu nhập cá nhân	68.267.460	258.565.183	(326.832.643)	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.162.553.944	(723.074.179)	2.439.479.765
Các loại thuế khác	-	17.000.000	(17.000.000)	-
	1.849.829.754	8.632.775.375	(3.695.191.177)	6.787.413.952

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trích trước lương tháng 13, tiền thưởng và ăn trưa	819.714.978	2.385.314.859
Chi phí phải trả khác	1.279.952.053	1.028.349.212
	2.099.667.031	3.413.664.071

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh số tiền các khách hàng đã trả trước tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ kế toán.

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	88.316.996.701	13.529.139.551
Lãi phải trả cho các nhà đầu tư cổ phần hóa (*)	6.702.450.183	6.702.864.939
Nhận ký quỹ, ký cược	2.733.335.126	2.495.139.827
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	3.032.432.673	1.004.607.947
Phải trả cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	2.007.218.013	1.175.483.297
Phải trả ngắn hạn khác	203.684.592	190.209.838
	102.996.117.288	25.097.445.399

(*) Ngày 11 tháng 3 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết về chi trả tiền lãi với lãi suất 8,1%/năm cho các nhà đầu tư mua cổ phần của Công ty trong thời gian Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp kéo dài trên ba tháng kể từ ngày hết hạn nộp tiền mua cổ phần.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	7.985.058.949	8.571.346.913

Phải trả dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc dài hạn từ các khách hàng thuê văn phòng của Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	748.000.000.000	1.231.896.222	(26.400.000)	4.811.331.015	105.066.178.122	859.083.005.359
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	67.938.279.959	67.938.279.959
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.578.151.856	(4.578.151.856)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.849.573.350)	(1.849.573.350)
Trích Quỹ thường Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.831.260.743)	(1.831.260.743)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(83.304.051.176)	(83.304.051.176)
Mua lại cổ phiếu từ cán bộ nhân viên	-	-	(7.920.000)	-	-	(7.920.000)
Số dư tại ngày 30/6/2019	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	9.389.482.871	81.441.420.956	840.028.480.049
Số dư tại ngày 1/1/2020	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	9.389.482.871	83.550.780.279	842.137.839.372
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	65.137.224.492	65.137.224.492
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.578.186.830	(3.578.186.830)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.632.824.726)	(1.632.824.726)
Trích Quỹ thường Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.632.824.726)	(1.632.824.726)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(74.797.400.000)	(74.797.400.000)
Số dư tại ngày 30/6/2020	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	12.967.669.701	67.046.768.489	829.212.014.412

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	74.800.000	748.000.000.000	74.800.000	748.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	74.800.000	748.000.000.000	74.800.000	748.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(2.600)	(34.320.000)	(2.600)	(34.320.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	74.797.400	747.974.000.000	74.797.400	747.974.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 74.797.400.000 VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 83.304.051.176 VND).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.788.399,97	87.587.807.306	3.752.162,37	86.712.472.371
EUR	272,74	6.986.183	278,20	7.179.126
		87.594.793.489		86.719.651.497

27. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu cho thuê văn phòng	23.446.761.486	24.121.410.233
▪ Doanh thu vận hành tour du lịch	2.992.199.519	22.164.257.465
▪ Doanh thu từ đại lý vé máy bay	5.260.372.128	21.845.679.385
	31.699.333.133	68.131.347.083
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(1.898.402.378)	-
Doanh thu thuần	29.800.930.755	68.131.347.083

28. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Giá vốn cho thuê văn phòng	10.811.217.181	12.354.130.097
Giá vốn vận hành tour du lịch	2.717.632.309	20.811.452.124
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	4.351.416.331	19.918.839.507
	17.880.265.821	53.084.421.728

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu thu hoạt tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.466.990.150	15.114.731.751
Cổ tức, lợi nhuận được chia	53.061.849.331	54.136.089.758
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.484.081.317	319.174.312
	70.012.920.798	69.569.995.821

30. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.560.598.027	3.786.927.372
Chi phí khấu hao	8.399.082	8.399.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	491.715.056	230.652.237
Chi phí bằng tiền khác	39.488.394	49.608.357
	3.100.200.559	4.075.587.048

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.657.435.133	4.005.407.890
Chi phí khấu hao	200.810.406	200.810.406
Chi phí khác	4.917.760.877	4.988.153.529
	8.776.006.416	9.194.371.825

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	242.594.422	305.175.429
Chi phí nhân viên	8.184.167.860	9.955.654.353
Chi phí khấu hao	1.414.080.459	2.068.804.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.399.689.745	48.779.164.764
Chi phí khác	4.991.135.380	5.245.581.376

33. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.606.111.975	71.307.210.973
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.721.222.395	14.261.442.195
Thuế trên thu nhập không bị tính thuế	(10.612.369.866)	(10.827.217.952)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ thuế	102.918.878	102.700.000
Thuế trên biến động các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	257.116.076	(167.909.592)
Chi phí thuế hiện hành	3.468.887.483	3.369.014.651

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 65.137.224.492 (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 67.938.279.959 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 74.797.400 cổ phiếu (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 74.797.400 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy lãi trên cổ phiếu sẽ không bị suy giảm.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel		
Cổ tức	53.061.849.331	35.865.928.103
Cung cấp dịch vụ	15.557.636	1.082.954.545
Công ty TNHH Global Toserco		
Cổ tức	-	18.270.161.655
Cung cấp dịch vụ	38.381.001	1.853.780
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông		
Cung cấp dịch vụ	2.531.819	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thưởng và thù lao	513.500.000	513.500.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	1.002.055.336	921.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Lương, thưởng và thù lao	253.500.000	253.500.000

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Dương Thị Như
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc